

**CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI XĂNG DẦU THIÊN PHÚ**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI XĂNG DẦU THIÊN PHÚ

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0110685973

**3. Ngày thành lập:** 15/04/2024

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Thửa đất số 221, tờ bản đồ số 01, tiểu khu Mỹ Lâm, Thị trấn Phú Xuyên, Huyện Phú Xuyên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0911649999

Fax:

Email: cuongphuodessa@gmail.com

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | Mã ngành    |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết:<br>- Đại lý bán hàng hóa (không bao gồm hoạt động của các đấu giá viên)<br>- Môi giới mua bán hàng hóa                                                                                                                                                                                             | 4610        |
| 2.  | Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan<br>Chi tiết:<br>- Than đá, than củi, than cốc, gỗ nhiên liệu, naphtha;<br>- Dầu mỏ, dầu thô, diesel nhiên liệu, xăng, dầu nhiên liệu, dầu đốt nóng, dầu hỏa;<br>- Khí dầu mỏ, khí butan và propan đã hoá lỏng;<br>- Dầu mỡ nhờn, xăng dầu đã tinh chế.<br>(trừ các loại Nhà nước cấm) | 4661(Chính) |
| 3.  | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4663        |
| 4.  | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>(trừ các loại Nhà nước cấm)                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4669        |
| 5.  | Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, kế toán, kiểm toán, thuế và chứng khoán);                                                                                                                                                               | 6619        |
| 6.  | Bán buôn tổng hợp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4690        |
| 7.  | Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4730        |
| 8.  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác dầu thô và khí tự nhiên                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 0910        |
| 9.  | Vận tải hành khách đường sắt                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4911        |
| 10. | Vận tải hàng hóa đường sắt                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4912        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |      |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 11. | Vận tải hành khách đường bộ khác<br>Chi tiết:<br>- Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định.<br>- Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt<br>- Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi<br>- Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng<br>- Kinh doanh vận chuyển khách du lịch bằng xe ô tô | 4932 |
| 12. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ<br>Chi tiết:<br>Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô                                                                                                                                                                                                                                  | 4933 |
| 13. | Vận tải đường ống                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4940 |
| 14. | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa<br>(trừ kinh doanh bất động sản)                                                                                                                                                                                                                                                             | 5210 |
| 15. | Bốc xếp hàng hóa                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 5224 |
| 16. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                                  | 5225 |
| 17. | Bưu chính                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 5310 |
| 18. | Chuyển phát                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 5320 |
| 19. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                     | 4752 |

**6. Vốn điều lệ:** 5.000.000.000 VNĐ

### 7. Thông tin về chủ sở hữu:

Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN AN SƠN GROUP

Mã số doanh nghiệp/Quyết định thành lập số: 0108308671

Do: *Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội* Cấp ngày: 05/06/2018

Địa chỉ trụ sở chính: *Số 05 ngách 63/212/8 đường Lê Đức Thọ, Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

### 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGUYỄN VĂN THỌ

Giới tính: Nam

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: 30/07/1976

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 036076004149

Ngày cấp: 02/07/2021

Nơi cấp: *Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội*

Địa chỉ thường trú: *Xóm 7, Xã Hải Hà, Huyện Hải Hậu, Tỉnh Nam Định, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Xóm 7, Xã Hải Hà, Huyện Hải Hậu, Tỉnh Nam Định, Việt Nam*

### 9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội